

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ NÔNG NGHIỆP & PTNT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /KH-SNN

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2024

KẾ HOẠCH

**Thực hiện Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh
Triển khai thực hiện Kế hoạch số 114-KH/TU ngày 05/01/2024 của Ban
Thường vụ Tỉnh uỷ triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày
30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học
phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới**

Thực hiện Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Kế hoạch số 114-KH/TU ngày 05/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng công nghệ sinh học (*sau đây viết tắt là CNSH*) phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới. Sở Nông nghiệp và PTNT ban hành kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

1. Mục đích

Cụ thể hóa, triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh Bắc Giang về thực hiện Kế hoạch số 114-KH/TU ngày 05/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ triển khai thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị về phát triển và ứng dụng CNSH phục vụ phát triển bền vững đất nước trong tình hình mới.

2. Yêu cầu

Quán triệt, nâng cao nhận thức về vai trò và trách nhiệm của cán bộ, công chức, người lao động trong đơn vị về phát triển và ứng dụng CNSH phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong tình hình mới.

Huy động các nguồn lực xã hội, phát huy các lợi thế của tỉnh để đầu tư phát triển và ứng dụng CNSH vào lĩnh vực nông nghiệp. Thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực CNSH.

Đẩy mạnh công tác quản lý nhà nước về CNSH, nâng cao năng lực các phòng thí nghiệm, kiểm định, kiểm nghiệm về CNSH, đáp ứng yêu cầu tiếp thu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ trên địa bàn tỉnh.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐẾN NĂM 2030

1. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về phát triển và ứng dụng CNSH trong tình hình mới

Chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục, phổ biến các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển và ứng dụng CNSH, trọng tâm là Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 30/01/2023 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 189/NQ-CP ngày 16/11/2023 của Chính phủ, Kế hoạch số 114- KH/TU ngày 05/01/2024 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Qua đó, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ, đảng viên, các tầng lớp Nhân dân và doanh nghiệp về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của phát triển và ứng dụng CNSH nhằm phát triển kinh tế - xã hội bền vững, bảo đảm quốc phòng, an ninh, nâng cao đời sống Nhân dân.

Tuyên truyền, giới thiệu những thành tựu, kiến thức mới về CNSH; các mô hình ứng dụng, nhân rộng thuộc lĩnh vực nông, lâm nghiệp, thủy sản; các doanh nghiệp CNSH hoạt động có hiệu quả; các kết quả nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo thuộc lĩnh vực của ngành quản lý. Tổ chức các lớp tập huấn chuyển giao công nghệ và tiến bộ kỹ thuật trong lĩnh vực CNSH cho các cơ sở sản xuất, doanh nghiệp, Hợp tác xã, người dân. Hỗ trợ các cá nhân, tập thể tham gia triển lãm sản phẩm về CNSH trong và ngoài tỉnh. Khai thác thông tin tuyên truyền trên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT, trang Web khuyến nông, các trang Fanpage...

Kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân điển hình trong nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNSH; nhân rộng những cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả; phê phán những hạn chế, yếu kém, xử lý vi phạm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ phát triển, ứng dụng CNSH.

2. Rà soát, bổ sung các cơ chế, chính sách phát triển và ứng dụng CNSH

Thường xuyên rà soát, triển khai thực hiện đồng bộ và hiệu quả các cơ chế chính sách của tỉnh bảo đảm phù hợp với quy định và tình hình thực tế. Nghiên cứu ban hành hoặc triển khai áp dụng các cơ chế, chính sách đặc thù, phù hợp để phát triển và ứng dụng CNSH, sản xuất các sản phẩm CNSH có giá trị cao trong lĩnh vực nông nghiệp; khuyến khích đầu tư, nghiên cứu và ứng dụng CNSH đối với vùng kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, khu vực nông thôn, miền núi; khuyến khích xuất khẩu sản phẩm CNSH; đào tạo, sử dụng nguồn nhân lực CNSH.

Tạo môi trường thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm CNSH. Chú trọng kêu gọi đầu tư

trong nghiên cứu khoa học của các Doanh nghiệp. Xây dựng chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX đầu tư vào nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao và sản xuất các sản phẩm CNSH; phát triển doanh nghiệp CNSH vừa và nhỏ; doanh nghiệp đầu tư vào công nghiệp sinh học, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; cơ chế liên kết, hợp tác giữa các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp trong lĩnh vực CNSH. Thu hút các dự án đầu tư xây dựng các khu, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp.

Khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức trong ngành nghiên cứu, chuyển giao các sản phẩm CNSH, xây dựng đề tài nghiên cứu khoa học ứng dụng trong thực tiễn sản xuất.

3. Tập trung phát triển, đẩy mạnh ứng dụng CNSH trong sản xuất và đời sống; từng bước phát triển công nghiệp sinh học thành ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng của tỉnh.

Phát triển CNSH phục vụ sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp tuần hoàn, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có giá trị gia tăng lớn.

Xây dựng và mở rộng các mô hình ứng dụng CNSH trong bảo quản, chế biến nông sản nhằm đa dạng hóa và nâng cao giá trị sản phẩm. Đẩy mạnh thu hút đầu tư các nhà máy chế biến nông sản quy mô lớn.

Nghiên cứu thử nghiệm, chọn tạo ra các giống cây trồng, vật nuôi chủ lực, có đặc tính ưu việt, chống chịu sâu, bệnh, có khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Phát triển các doanh nghiệp công nghiệp sinh học sản xuất sản phẩm trong Nông, Lâm, Thủy sản. Triển khai nghiên cứu, phát triển các sản phẩm CNSH thế hệ mới trong trồng trọt, lâm nghiệp, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, tiến tới thay thế dần các sản phẩm có nguồn gốc hóa học. Nghiên cứu phát triển và ứng dụng CNSH gắn với nâng cao năng suất và chất lượng các sản phẩm chủ lực, đặc trưng, tiềm năng của tỉnh.

3.1. Đối với lĩnh vực Trồng trọt

Khuyến khích, thu hút các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân nghiên cứu, ứng dụng, sản xuất sản phẩm CNSH bảo đảm an toàn sinh học, sản xuất phân bón vi sinh, chế phẩm cải tạo đất, chế phẩm bảo vệ thực vật và chất kích thích sinh trưởng có nguồn gốc thực vật, xử lý phụ phẩm nông nghiệp.

Hỗ trợ chi phí sản xuất giống cây trồng Nông nghiệp theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/07/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung và mức chi hỗ trợ sản xuất giống phục vụ phát triển nông lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030. Nghị quyết số

26/2023/NQ-HĐND ngày 14/07/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang về Ban hành quy định chính sách hỗ trợ phát triển Nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023-2030.

Ứng dụng các chế phẩm sinh học thế hệ mới, các chế phẩm quy mô công nghiệp, phân hữu cơ vi sinh, thuốc bảo vệ thực vật sinh học, sử dụng rộng rãi các loại bẫy, chất dẫn dụ sinh học và các chế phẩm sinh học khác trong quá trình sản xuất.

Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 5/9/2023 Kế hoạch thúc đẩy ứng dụng quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp IPHM trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2023-2030 nhằm phát triển quản lý sức khỏe cây trồng tổng hợp (IPHM) để tăng cường sức khỏe cây trồng, nâng cao khả năng phòng chống sinh vật gây hại và chống chịu tốt với điều kiện bất thuận của thời tiết, nâng cao hiệu quả sản xuất, đảm bảo an toàn thực phẩm và góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, đa dạng sinh học.

Từng bước hình thành các vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ trên địa bàn tỉnh. Xây dựng các chuỗi liên kết với các doanh nghiệp trong sản xuất - thu mua - chế biến - tiêu thụ sản phẩm CNSH.

Giao cho Chi cục Trồng trọt và BVTV chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị trực thuộc sở; Phòng Nông nghiệp, kinh tế các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nhiệm vụ trên giai đoạn 2024-2030.

3.2. Đối với lĩnh vực Chăn nuôi

Nghiên cứu thử nghiệm, chọn tạo ra các giống vật nuôi chủ lực, có đặc tính ưu việt, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao, phù hợp với điều kiện của tỉnh.

Ứng dụng CNSH trong bảo tồn, phục tráng và phát triển các giống vật nuôi bản địa, ưu tiên ứng dụng CNSH tạo con lai có ưu thế về năng suất, chất lượng như: gà lông cằm, gà sáu ngón, dê Bore,...

Nghiên cứu cải tiến, ứng dụng công nghệ sinh sản, đặc biệt là công nghệ tế bào động vật trong đông lạnh tinh, phôi và cấy chuyển hợp tử, thụ tinh nhân tạo, kiểm soát giới tính; áp dụng phương pháp chỉ thị phân tử, công nghệ chuyển gen trong chọn tạo các giống vật nuôi mới có nhiều tính trạng vượt trội.

Nghiên cứu thử nghiệm và nhân rộng các mô hình chăn nuôi gia súc, gia cầm từ một số giống mới có năng suất, chất lượng cao, sức chống chịu và kháng bệnh tốt, hoặc từ quy trình sản xuất mới, quy trình an toàn sinh học, đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh thực phẩm và đạt hiệu quả kinh tế cao.

Xây dựng và áp dụng rộng rãi các quy trình chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng an toàn sinh học: công nghệ Biofloc, công nghệ enzym, protein, vi

sinh vật tăng hiệu quả sử dụng dinh dưỡng; các chế phẩm kích thích sinh trưởng, phát triển; các chế phẩm nâng cao sức đề kháng và các chất phụ gia thức ăn có nguồn gốc kháng sinh được phép sử dụng trong hệ thống nuôi thâm canh.

Ứng dụng và làm chủ công nghệ chẩn đoán, kiểm soát dịch bệnh và chất lượng sản phẩm: ứng dụng kit phát hiện nhanh, kiểm định, đánh giá chất lượng con giống; phát hiện nhanh, giám định tác nhân gây một số bệnh nguy hiểm, bệnh mới phát sinh; kiểm soát dư lượng các chất cấm trong thực phẩm từ vật nuôi; ứng dụng vắc xin thế hệ mới, thuốc thú y sinh học phòng bệnh cho vật nuôi.

Ứng dụng rộng rãi công nghệ biogas, công nghệ đệm lót sinh học và sử dụng các chế phẩm sinh học trong chăn nuôi.

Giao cho Chi cục Chăn nuôi và Thú y chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị trực thuộc sở; Phòng Nông nghiệp, kinh tế các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nhiệm vụ trên giai đoạn 2024-2030.

3.3. Đối với lĩnh vực Lâm nghiệp

Ưu tiên ứng dụng phương pháp nuôi cấy mô tế bào thực vật, giâm hom, chiết, ghép, giâm ngọn... để nhân nhanh một số cây lâm nghiệp bản địa có đặc tính ưu việt, sạch bệnh, chất lượng gỗ tốt đáp ứng yêu cầu trồng, bảo vệ, phát triển tài nguyên rừng, nâng cao năng suất, chất lượng, giảm giá thành, đáp ứng đủ nhu cầu sản xuất trong nước và xuất khẩu, phát triển kinh tế lâm nghiệp.

Triển khai có hiệu quả Đề án “Phát triển huyện Yên Thế trở thành Trung tâm sản xuất giống cây lâm nghiệp của tỉnh Bắc Giang” theo Quyết định 2916/QĐ- UBND ngày 12/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang.

Hỗ trợ chi phí sản xuất giống cây lâm nghiệp (Bạch đàn, Keo) bằng phương pháp nuôi cấy mô theo Nghị quyết số 25/NQ-HĐND ngày 14/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung và mức chi hỗ trợ sản xuất giống phục vụ phát triển nông lâm nghiệp, thủy sản trên địa bàn tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023-2030.

Nghiên cứu, ứng dụng CNSH trong bảo tồn, phát triển nguồn gen một số cây trồng lâm nghiệp như: Vù hương, Thông Caribe, Thông Nàng, dòng keo tam bội, dòng Bạch đàn kháng bệnh đốm trắng, lai UP, cây lâm nghiệp chuyển gen có chất lượng gỗ tốt.

Giai đoạn 2025-2030, tổ chức xây dựng Dự án phát triển một số giống Keo, Bạch đàn nhằm chuyển giao giống mới, chọn tạo giống có năng suất, chất lượng tốt trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Ứng dụng CNSH trong bảo tồn và phát triển các loại lâm sản ngoài gỗ như: Ba kích, Trà hoa vàng, Nấm lim xanh, Nấm chèo,...

Giao cho Chi cục Kiểm lâm chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị trực thuộc sở; Phòng Nông nghiệp, kinh tế các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nhiệm vụ trên giai đoạn 2024-2030.

3.4. Đối với lĩnh vực Thủy sản

Nghiên cứu phát triển và ứng dụng CNSH để điều khiển giới tính, tạo giống thủy sản có chất lượng cao, kháng bệnh tốt; tiến hành các phương pháp sinh sản nhân tạo ở một số loại thủy sản có giá trị kinh tế cao. Kết hợp chọn giống truyền thống với phân tích biến dị ADN và sử dụng kỹ thuật gen để lựa chọn gen quý, ưu việt trong chọn tạo giống đối với các đối tượng nuôi thủy sản chủ lực của tỉnh; tạo giống có tốc độ tăng trưởng nhanh, chất lượng thịt ngon, khả năng kháng bệnh, phù hợp với điều kiện tự nhiên của địa phương và đáp ứng các tiêu chí về chất lượng theo tiêu chuẩn ngành hoặc tiêu chuẩn quốc tế. Ứng dụng công nghệ vi sinh vật để phòng trị có hiệu quả các bệnh nguy hiểm thường gặp trên các đối tượng thủy sản chủ lực, xử lý nguồn nước, chất thải từ nuôi trồng, chế biến thủy sản phục vụ bảo vệ môi trường; bảo tồn, phát triển, khai thác hợp lý và sử dụng bền vững các nguồn gen thủy sản quý, đặc hữu.

Đẩy mạnh công tác tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật về thủy sản, áp dụng quy trình chăn nuôi thủy sản thâm canh, bán thâm canh, sản xuất thủy sản an toàn theo hướng VietGAP, phòng trị bệnh thủy sản; đưa các giống thủy sản có giá trị kinh tế cao vào sản xuất; làm tốt công tác khuyến ngư, xây dựng các mô hình khuyến ngư phù hợp. Xây dựng mô hình nuôi cá theo tiêu chuẩn và đạt tiêu chuẩn VietGAP ở các huyện. Tiếp tục chuyển giao, tiếp thu những ứng dụng mới, công nghệ sinh học trong nghiên cứu dinh dưỡng, thức ăn, chế phẩm sinh học, thuốc thú y thủy sản, các giải pháp an toàn sinh học và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả, công nghệ nuôi mới vào thực tế sản xuất để nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của sản phẩm thủy sản.

Về đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật, khuyến nông. Tiếp tục đào tạo chuyên môn cho hệ thống thủy sản ở các cấp tỉnh, huyện, xã nhằm nâng cao năng lực quản lý, chuyên môn tham mưu cho các cấp thực hiện tốt vai trò chức trách nhiệm vụ trong công tác phát triển thủy sản của tỉnh. Các nhiệm vụ về quản lý nhà nước như chỉ đạo các cơ sở sản xuất giống, công tác xây dựng dự báo, kế hoạch, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, đào tạo tập huấn, công tác bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản củng cố và thực hiện hiệu quả đưa ngành thủy sản có bước phát triển mạnh.

Tăng cường công tác tập huấn, chuyển giao khoa học kỹ thuật cho nông dân, nâng cao năng lực, trình độ thâm canh thủy sản nhằm đạt năng suất, sản lượng thủy sản cao, kinh tế thủy sản phát triển bền vững. Đồng thời, nâng cao

chất lượng nguồn nhân lực thông qua việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng phát triển sản xuất thủy sản công nghệ cao cho nông dân, tạo ra đội ngũ nông dân và doanh nhân chuyên nghiệp có trình độ, kỹ năng.

Tăng cường đầu tư nguồn lực cho phát triển thủy sản công nghệ cao, nuôi an toàn, VietGAP nhất là ở cấp huyện, tập trung hỗ trợ nâng cao chất lượng giống thủy sản, mở rộng diện tích nuôi năng suất cao và chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật chăn nuôi thủy sản. Phát triển thủy sản theo hướng an toàn sinh học, nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững.

Giao cho Chi cục Thủy sản chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị trực thuộc sở; Phòng Nông nghiệp, kinh tế các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nhiệm vụ trên giai đoạn 2024-2030.

3.5. Đối với lĩnh vực Chế biến nông lâm thủy sản

Ứng dụng, sử dụng chế phẩm sinh học, phục vụ sơ chế, bảo quản đáp ứng tiêu chuẩn an toàn thực phẩm cho sản phẩm.

Sử dụng chế phẩm sinh học nhằm nâng cao giá trị gia tăng các phụ phẩm chế biến sau thu hoạch các sản phẩm nông, lâm, thủy sản.

Giao cho Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản chủ trì, phối hợp với các phòng, đơn vị trực thuộc sở; Phòng Nông nghiệp, kinh tế các huyện, thị xã, thành phố thực hiện nhiệm vụ trên giai đoạn 2024-2030.

4. Xây dựng nguồn nhân lực CNSH

Tăng cường tập huấn kiến thức về CNSH cho cán bộ, nhân dân và doanh nghiệp. Triển khai nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng, kiến thức mới cho người dân.

Vận dụng các chính sách, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn về CNSH trong lĩnh vực phụ trách.

Liên kết với các viện nghiên cứu, trường đại học để đầu tư, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực lĩnh vực CNSH nhằm tối ưu hóa nguồn nhân lực của tỉnh. Đưa đi đào tạo chuyên môn nhằm nâng cao trình độ năng lực cán bộ, công chức, viên chức để có thể tiếp nhận và chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ; đồng thời tạo mọi điều kiện để phát huy năng lực cán bộ hình thành nên hệ thống chuyển giao ứng dụng khoa học và công nghệ từ tỉnh đến cơ sở.

5. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất đáp ứng yêu cầu nghiên cứu, phát triển và ứng dụng CNSH

Hỗ trợ doanh nghiệp nhập khẩu công nghệ, kỹ thuật tiên tiến phục vụ cho phát triển công nghệ sinh học ngành Nông nghiệp mà tỉnh Bắc Giang có lợi thế.

Hỗ trợ phát triển các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học công nghệ, doanh nghiệp ứng dụng CNSH trong lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng cơ sở dữ liệu lĩnh vực Trồng trọt, Chăn nuôi, Thủy sản, Lâm nghiệp phục vụ sản xuất theo công nghệ 4.0.

6. Đẩy mạnh hợp tác về CNSH

Tăng cường hợp tác với các Viện nghiên cứu, trường Đại học trong lĩnh vực CNSH để ký kết hợp tác giữa các đơn vị có liên quan đến lĩnh vực CNSH mà tỉnh Bắc Giang có lợi thế phát triển. Tăng cường quan hệ hợp tác với các địa phương trong và ngoài nước, các tổ chức khoa học và công nghệ để tiếp nhận các kết quả nghiên cứu về CNSH có giá trị trong sản xuất và đời sống mà tỉnh và trong nước chưa có thông qua con đường viện trợ hoặc thương mại. Tổ chức học tập kinh nghiệm về hoạt động nghiên cứu, ứng dụng CNSH tại một số địa phương có thế mạnh.

Tham gia, tổ chức các hội thảo, chợ thiết bị và công nghệ, sự kiện trình diễn và kết nối cung - cầu công nghệ nhằm giới thiệu các thành tựu trong lĩnh vực CNSH, tạo cơ hội giao lưu, hợp tác, thúc đẩy phát triển công nghiệp sinh học trên địa bàn tỉnh.

Tăng cường hợp tác quốc tế trong đào tạo nhân lực CNSH, đào tạo chuyên gia có trình độ cao. Mở rộng hợp tác, chuyển giao các CNSH tiên tiến trên thế giới với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.

Chủ động tìm hiểu, nắm bắt thông tin các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về CNSH để đề xuất triển khai các hợp phần công việc phù hợp trên địa bàn tỉnh; xây dựng các chương trình, dự án CNSH để đề xuất tài trợ, hỗ trợ thông qua các chương trình hợp tác trong và ngoài nước. Thực hiện có hiệu quả Đề án đẩy mạnh hợp tác quốc tế cấp địa phương của tỉnh Bắc Giang với các địa phương nước ngoài, giai đoạn 2021 - 2025 và những năm tiếp theo.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Thực hiện lồng ghép các đề án, chính sách của tỉnh gắn với việc ứng dụng các kết quả nghiên cứu, ứng dụng CNSH.

Hàng năm, theo kế hoạch của từng đơn vị, bố trí nguồn ngân sách để thực hiện các nội dung theo kế hoạch.

Đẩy mạnh xã hội hóa các nguồn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước cho phát triển CNSH: nguồn từ các doanh nghiệp; chủ động mở rộng quan hệ hợp tác nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư thông qua các chương trình, dự án phi chính phủ,... cho phát triển CNSH. Huy động nguồn kinh phí của các tổ chức,

doanh nghiệp khoa học và công nghệ, hợp tác xã, các tổ chức, cá nhân khác thông qua đối ứng để thực hiện các nhiệm vụ CNSH và đào tạo nguồn nhân lực CNSH.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phòng Kế hoạch - Tài chính

Phòng KHTC chủ trì tổng hợp dự toán của các đơn vị được giao nhiệm vụ để tham mưu cho lãnh đạo Sở trình cấp có thẩm quyền bố trí ngân sách để tổ chức triển khai thực hiện.

Hướng dẫn cơ quan chủ trì thực hiện các nội dung, nhiệm vụ và hoạt động nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học xây dựng dự toán; quản lý, sử dụng, thanh toán, quyết toán kinh phí đúng quy định.

2. Chi cục Trồng trọt và BVTV

Chủ trì nội dung đẩy mạnh ứng dụng CNSH trong lĩnh vực trồng trọt. Lập dự toán, xây dựng kế hoạch chi tiết hằng năm và tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo về tiến độ, chất lượng và mục đích đề ra.

Báo cáo tiến độ định kỳ hằng năm và đột xuất theo yêu cầu; đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để tổng hợp, xử lý kịp thời.

Giao cho Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật là đầu mối tổng hợp, các đơn vị trực thuộc Sở gửi báo cáo định kỳ theo lĩnh vực phụ trách về Chi cục Trồng trọt và BVTV trước ngày 01/12 hàng năm tổng hợp báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

3. Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Chủ trì nội dung đẩy mạnh ứng dụng CNSH trong lĩnh vực Chăn nuôi. Lập dự toán, xây dựng kế hoạch chi tiết hằng năm và tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo về tiến độ, chất lượng và mục đích đề ra.

Báo cáo tiến độ định kỳ hằng năm và đột xuất theo yêu cầu; đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để tổng hợp, xử lý kịp thời.

4. Chi cục Kiểm Lâm

Chủ trì nội dung đẩy mạnh ứng dụng CNSH trong lĩnh vực Lâm nghiệp. Lập dự toán, xây dựng kế hoạch chi tiết hằng năm và tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo về tiến độ, chất lượng và mục đích đề ra.

Báo cáo tiến độ định kỳ hằng năm và đột xuất theo yêu cầu; đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để tổng hợp, xử lý kịp thời.

5. Chi cục Thủy sản

Chủ trì nội dung đẩy mạnh ứng dụng CNSH trong lĩnh vực Thủy sản. Lập dự toán, xây dựng kế hoạch chi tiết hằng năm và tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo về tiến độ, chất lượng và mục đích đề ra.

Báo cáo tiến độ định kỳ hằng năm và đột xuất theo yêu cầu; đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để tổng hợp, xử lý kịp thời.

6. Chi cục Quản lý chất lượng Nông, Lâm sản và Thủy sản

Chủ trì nội dung đẩy mạnh ứng dụng CNSH trong lĩnh vực quản lý chất lượng, Chế biến nông, lâm thủy sản sau thu hoạch. Lập dự toán, xây dựng kế hoạch chi tiết hằng năm và tổ chức thực hiện kế hoạch đảm bảo về tiến độ, chất lượng và mục đích đề ra.

Báo cáo tiến độ định kỳ hằng năm và đột xuất theo yêu cầu; đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để tổng hợp, xử lý kịp thời.

Trên đây là nội dung kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 26/02/2024 của UBND tỉnh. Các đơn vị liên quan căn cứ Kế hoạch tổ chức, triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Khoa học và công nghệ;
- Giám đốc Sở (b/c);
- Các PGĐ Sở;
- Phòng: KH-TC, Văn phòng Sở;
- Các đơn vị trực thuộc sở;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lê Bá Thành